TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/DS-ST
Ngày: 05-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thành.

Bà Cao Kim Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 586/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 628/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N.

Địa chỉ trụ sở: Số 9 đường Đ, Phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Hồng L, sinh năm: 1981; địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 192/20/UQTA-VH.20 ngày 29 tháng 4 năm 2020) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Hoàng Kim T, sinh năm 1992 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36I đường M, phường Q, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Hồng L trình bày:

Ngày 23 tháng 4 năm 2015, nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu

hạn Một thành viên N có ký kết với bị đơn bà Hoàng Kim T Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150422-500000-00**. Căn cứ vào thu nhập của bị đơn, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 24.265.000 đồng với thời hạn vay là 18 tháng tính từ ngày 23 tháng 4 năm 2015, mức lãi suất thoả thuận là 5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo thoả thuận trong hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 38.104.000 đồng (gồm cả tiền nợ gốc và tiền lãi) trong vòng 18 tháng, trong đó 17 tháng đầu mỗi tháng trả 2.076.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.812.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ số tiền 24.265.000 đồng để tiêu dùng cá nhân và thực tế đã thanh toán hai lần cho nguyên đơn với tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2016 đến nay, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn thêm bất cứ khoản tiền nào dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 05 tháng 4 năm 2021 là 36.104.000 đồng gồm: Nợ gốc là 22.265.000 đồng, nợ lãi là 13.839.000 đồng. Bị đơn còn có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả theo quy định tại hợp đồng trên số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 01 năm 2021, bị đơn là bà Hoàng Kim T trình bày:

Ngày 23 tháng 4 năm 2015, bị đơn có ký Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150422-500000-00** với nguyên đơn để vay số tiền là 24.265.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 38.104.000 đồng, trả chậm trong vòng 18 tháng, trong đó 17 tháng đầu mỗi tháng trả 2.076.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.812.000 đồng bắt đầu từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng, sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn không còn khả năng thanh toán cho nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký là 36.104.000 đồng gồm: Nợ gốc là 22.265.000 đồng và nợ lãi là 13.839.000 đồng thì bị đơn đồng ý nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bị đơn xin được giảm bớt tiền lãi và đề xuất phương án mỗi tháng trả cho nguyên đơn 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Hoàng Kim T có địa chỉ cư trú tại Số 36I đường M, phường Q, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 22.265.000 đồng:

[4] Căn cứ Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số 20150422-500000-00** ngày 18 tháng 4 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2015 và lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định bị đơn được nguyên đơn cho vay số tiền là 24.265.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 18 tháng kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2015, lãi suất vay là 60%/năm (5%/tháng).

[5] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đều thông báo chi tiết các khoản lãi, phí, số dư nợ, thời hạn thanh toán cho bị đơn và bị đơn không khiếu nại các thông báo giao dịch, tiền lãi và dư nợ hàng tháng. Bị đơn xác định đã nhận được 24.265.000 đồng và chỉ thanh toán được 2.000.000 đồng; kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2016 đến nay, bị đơn không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh nào khác cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong hợp đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 22.265.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính đến ngày 05 tháng 4 năm 2021 là 13.839.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định tại hợp đồng trên số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong nợ:

[7] Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của

nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật, bị đơn đồng ý thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính đến ngày 05 tháng 4 năm 2021 là 13.839.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định tại hợp đồng trên số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong nợ là có cơ sở chấp nhận.

[8] Bị đơn đề nghị nguyên đơn giảm lãi và đề xuất phương án mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N.

Buộc bà Hoàng Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N tổng số tiền tính đến ngày 05 tháng 4 năm 2021 là 36.104.000 đồng, gồm: Nợ gốc là 22.265.000 đồng, nợ lãi là 13.839.000 đồng theo Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số 20150422-500000-00** ngày 18 tháng 4 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2015.

2. Về án phí: Bà Hoàng Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.805.200 đồng.

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N 902.600 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số

AA/2019/0029907 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, bà Hoàng Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Đơn đề nghị vay vốn kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số 20150422-500000-00** ngày 18 tháng 4 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ